

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11780 /BTC-ĐT

V/v xử lý vốn kế hoạch bảo vệ và  
phát triển rừng năm 2011 chưa giải  
ngân.

*Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2013*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh (thành phố): Hà Giang,  
Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên,  
Bắc Kạn, Phú Thọ, Bắc Giang, Sơn La, Điện  
Biên, Lai Châu, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà  
Nam, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng  
Bình, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi,  
Phước Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận,  
Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Tây  
Ninh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh,  
An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 6759/VPCP-KTTH ngày 14/8/2013 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý vốn kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2011 chưa giải ngân; Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Thông báo vốn kết dư kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2011 các địa phương được sử dụng để thanh toán cho các dự án thuộc kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 tại phụ lục kèm theo.

Việc sử dụng vốn kết dư thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Các dự án thực hiện trong năm 2011, 2012 có khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn;

- Các dự án thuộc danh mục đầu tư kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2013 có khả năng hoàn thành trong năm 2013 còn thiếu vốn.

2. Thông báo vốn kết dư Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng của các tỉnh Thanh Hóa, Quảng Bình, Khánh Hòa, Kon Tum tại phụ lục kèm theo. Các tỉnh được sử dụng để phân bổ và thanh toán cho khối lượng hạng mục đã được ghi vốn kế hoạch năm 2010 thuộc Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng có đủ hồ sơ, điều kiện nhưng chưa kịp thanh toán.

3. Các nguồn vốn nêu trên được thanh toán trong niên độ ngân sách năm 2013; hết thời hạn trên số vốn còn lại, Bộ Tài chính sẽ thu hồi về ngân sách trung ương theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố khẩn trương rà soát và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, thực hiện việc phân bổ và thanh toán vốn cho các dự án đảm bảo đúng quy định, báo cáo việc phân bổ về Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 15/9/2013 để theo dõi, quản lý.

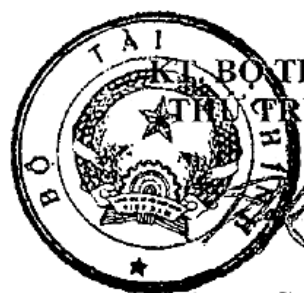
5. Giao Kho bạc Nhà nước chỉ đạo hệ thống Kho bạc Nhà nước:

- Thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn theo quy định.
- Theo dõi riêng và định kỳ hàng tháng báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện, giải ngân của từng dự án. Trước ngày 28/2/2014 báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện, giải ngân đến hết ngày 31/01/2014 của từng dự án.

Bộ Tài chính thông báo để Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Kho bạc Nhà nước biết và thực hiện./. *✓*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Kho Bạc nhà nước;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Phú Thọ, Bắc Giang, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Nam, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang;
- Vụ NSNN;
- Lưu: VT, ĐT(135).



**Phạm Sỹ Danh**

## PHỤ LỤC

**Các địa phương còn kế hoạch vốn bảo vệ và phát triển rừng năm 2011 và vốn kết dư dự án 5 triệu ha rừng chưa giải ngân.**

(Kèm theo văn bản số 11880 /BTC-DT ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tỉnh/thành phố	Số vốn KH 2011 còn tồn chưa giải ngân	Vốn kế dự dự án 5 triệu ha rừng (từ 2010 về trước) còn tồn
A	B	1	2
	<b>Tổng số</b>	<b>49.131,32</b>	<b>7.931,58</b>
1	Hà Giang	2.104,50	
2	Tuyên Quang	3.251,46	
3	Cao Bằng	3.424,88	
4	Lạng Sơn	1.647,06	"
5	Thái Nguyên	84,10	
6	Bắc Kạn	1.449,00	
7	Phú Thọ	138,51	
8	Bắc Giang	154,51	
9	Sơn La	25,00	
10	Lai Châu	1.972,00	
11	Điện Biên	2.880,31	
12	Hải Phòng	13,00	
13	Quảng Ninh	2.140,60	
14	Hà Nam	282,40	
15	Thanh Hoá	1.008,00	3.583,00
16	Nghệ An	1.913,17	
17	Hà Tĩnh	78,40	
18	Quảng Bình	441,80	2.339,58
19	Thừa Thiên Huế	3.373,00	

20	Quảng Nam	3.006,00	
21	Quảng Ngãi	3.339,00	
22	Phú Yên	115,00	
23	Khánh Hoà		917,00
24	Ninh Thuận	5.321,01	
25	Bình Thuận	117,18	
26	Đắk Nông	2.479,00	
27	Gia Lai	68,00	
28	Kon Tum	1.543,00	1.092,00
29	Lâm Đồng	686,16	
30	Tây Ninh	3.149,00	
31	Long An	1.000,00	
32	Tiền Giang	508,00	
33	Bến Tre	732,27	
34	An Giang	229,00	
35	Đồng Tháp	16,00	
36	Kiên Giang	441,00	